TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HS-PT
Ngày 26-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung.

Ông Phan Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 576/2017/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Huỳnh Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo kháng cáo:* Huỳnh Thanh T sinh ngày 26 tháng 11 năm 1991 tại Trà Vinh; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1963 và bà Trần Thanh T1, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 16 tháng 02 năm 2017 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Ngô Đình C là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Ngô Đình C - Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại (theo Giấy ủy quyền ngày 31 tháng 8 năm 2017):* Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1947; cư trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Cà Mau; là cha ruột của bị hại (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13 tháng 2 năm 2015, anh Đỗ Văn N bị Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc" nên anh N kháng cáo. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm, do còn được tại ngoại nên anh N được anh Cao Văn T2 giới thiệu với bị cáo Huỳnh Thanh T. Tháng 5 năm 2015, khi uống nước cùng anh T2, bị cáo T và anh Quách Trường T3 (bạn của bị cáo T), anh N nhờ bị cáo T thu xếp việc giảm hình phạt cho anh N thì bị cáo T hứa giúp giảm thời gian chấp hành án nếu anh N không được hưởng án treo vì bị cáo T quen với anh T4 là tài xế của Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm vụ án, quyết định giữ nguyên hình phạt đối với anh N như án sơ thẩm đã tuyên. Anh N điện thoại cho bị cáo T biết về kết quả xét xử phúc thẩm và nhờ bị cáo T giúp giảm thời gian chấp hành hình phạt. Bị cáo T nói với anh N là anh T4 thống nhất giúp anh N với giá 600.000.000 đồng và bị cáo T lấy tiền công đi lại, ăn uống 23.000.000 đồng (tổng cộng là 623.000.000 đồng), anh N phải đưa gấp 150.000.000 đồng cùng bản án sơ thẩm để đưa cho anh T4. Anh N đồng ý.

Đêm 15 tháng 5 năm 2015, anh N đi Thành phố Hồ Chí Minh cùng với anh Đỗ Văn K là anh ruột của anh N. 09 giờ ngày 16 tháng 5 năm 2015 anh N gặp bị cáo T tại khách sạn G, đường F, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, đưa cho bị cáo T bản án sơ thẩm và 150.000.000 đồng. Bị cáo T viết biên nhận nhận tiền của anh K và hẹn 15 giờ cùng ngày gặp lại. Sau đó, bị cáo T dùng tiền anh N đưa cùng anh T3 mua điện thoại Nokia 8800 với giá 18.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T gặp anh N ở khách sạn G, gửi điện thoại nêu trên cho anh T2 (Anh T2 đã trả lại bị cáo T 18.000.000 đồng).

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, bị cáo T điện thoại nói anh N đem 50.000.000 đồng lên Cần Thơ để bị cáo T đưa anh T4. Anh N cùng anh Đỗ Bé S là em ruột của anh N thuê ô tô đến thành phố Cần Thơ. Do bị cáo T và anh T3 đang đi du lịch tại Campuchia nên bị cáo T nhờ anh Đinh Công L (Kế toán Công ty P do bị cáo T làm Tổng giám đốc) nhận tiền, viết biên nhận rồi đem tiền sang Campuchia đưa cho bị cáo T. Bị cáo T mua 01 vòng vàng với giá 42.000.000 đồng tặng cho anh T3, đưa anh T3 8.000.000 đồng trả tiền khách sạn, tiền ăn uống và tiền xe.

Ngày 25 tháng 5 năm 2015, bị cáo T điện thoại nói anh N chuyển 350.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo T để đưa cho anh T4. Anh N bận việc nên nhờ anh S đến Ngân hàng Q - Chi nhánh Cà Mau chuyển 350.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo T.

Ngày 08 tháng 6 năm 2015, bị cáo T điện thoại nói anh N chuyển 73.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo T. Anh N đến Ngân hàng R - Chi nhánh huyện E, chuyển 73.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo T. Bị cáo T đã dùng 23.000.000 đồng chi xài cá nhân.

Ngày 06 tháng 7 năm 2015, anh N có quyết định đi chấp hành án tại Trại giam X thuộc Bộ Công an. Anh N điện thoại cho bị cáo T thì bị cáo T nói: "Cứ yên tâm chấp hành án vài tháng, nếu không ở ngày nào thì bản án bị oan sai. Đợi ngày lễ, tết thì được đặc xá, cho về". Anh N đợi đến dịp Lễ Quốc khánh 02 tháng 9 vẫn không thấy gì nên dùng điện thoại (được sử dụng theo chế độ) gọi cho bị cáo T thì bị cáo T nói: "đến Tết 2016 sẽ được về". Gần Tết 2016, bị cáo T cùng đi với vợ anh N vào Trại giam thăm anh N, động viên anh N an tâm, đến Tết sẽ được về. Đến Tết anh N gọi bị cáo T hỏi vì sao chưa được về thì bị cáo T hứa đến dịp lễ 30 tháng 4 năm 2016.

Nghi bị cáo T lừa đảo, anh N nhiều lần đòi tiền nhưng bị cáo T không trả nên ủy quyền cho cha ruột là ông Đỗ Văn Đ làm đơn tố cáo. Ngày 20 tháng 3 năm 2016, ông Đ gửi đơn tố cáo bị cáo T đến Công an huyện E. Công an huyện E mời bị cáo T làm việc nhưng bị cáo T không đến. Công an huyện E cử người đến Đăk Nông tìm và áp giải bị cáo T về Công an huyện E làm việc.

Do có sự tác động của cơ quan Công an, bị cáo T nói với anh S là bị cáo T bán xe ô tô Camry 2.5 Q với giá 1.100.000.000 đồng để trả tiền cho gia đình anh N, nhưng xe đang thế chấp tại Ngân hàng. Anh S đồng ý mua xe, cùng anh T3 đến Ngân hàng, chi toàn bộ 785.000.000 đồng tiền lãi và gốc để anh T3 sang tên xe cho anh S. Còn lại 315.000.000 đồng giá trị của xe, bị cáo T trả gia đình anh N.

Gia đình anh N yêu cầu bị cáo T trả hết tiền nên bị cáo T đưa thêm 01 sim điện thoại số 0972393939 với giá 100.000.000 đồng. Bị cáo T viết giấy thỏa thuận trong vòng 02 tháng kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2016 sẽ trả 208.000.000 đồng còn lại cho anh N.

Ngày 06 tháng 6 năm 2016, ông Đ tiếp tục có đơn yêu cầu gửi đến Công an huyện E, tố cáo bị cáo T lừa đảo. Ngày 23 tháng 6 năm 2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện E chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Cà Mau giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, bị cáo T nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Cà Mau 208.000.000 đồng.

Bị cáo T khai: ngày 16 tháng 5 năm 2015 bị cáo đến quán cà phê Y, đường H, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, đưa cho anh T4 bản án sơ thẩm và 132.000.000 đồng (Anh T4 không viết biên nhận); ngày 25 tháng 5 năm 2015, bị cáo T cùng anh T3 đem lên thành phố J, tỉnh Bình Dương giao cho anh T4 ở một nhà hàng (không biết tên, địa chỉ cụ thể) 400.000.000 đồng (bao gồm 350.000.000 đồng anh N chuyển ngày 25 tháng 5 năm 2015 và 50.000.000 đồng bị cáo T đã nhận ngày 18 tháng 5 năm 2015); ngày 08 tháng 6 năm 2015, bị cáo T đưa anh T4 50.000.000 đồng tại quán cà phê Y và trả cho anh T4 18.000.000 đồng mà bị cáo T đã dùng mua điện thoại cho anh T2.

Qua điều tra xác định không có anh T4 làm tài xế cho Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao. Cơ quan điều tra thu thập hình ảnh các tài xế của Lãnh đạo

Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo T xem và nhận dạng nhưng bị cáo T xác định không có ai là anh T4 mà bị cáo T đã đưa tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thanh T 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, bị cáo Huỳnh Thanh T kháng cáo cho rằng tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là oan sai, thiếu cơ sở và thiếu khách quan vì bị cáo đã trả hết tiền cho gia đình bị hại vào khoảng tháng 06 năm 2016 nhưng đến ngày 16 tháng 02 năm 2017 Công an tỉnh Cà Mau vẫn khởi tố vụ án, bắt tạm giam bị cáo. Bị cáo không có ý lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại vì bị cáo có công việc ổn định, tài chính của bị cáo và gia đình không khó khăn, do quen biết nên bị cáo mới nhận lời tìm cách giúp gia đình bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo, xin giảm hình phạt vì bị cáo nhận thấy bị cáo sai, đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt để bị cáo sớm được trở về gia đình, hoàn lương, đóng góp cho xã hội vì bị cáo là lao động chính trong gia đình và phạm tội lúc còn trẻ, bồng bột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo của bị cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì khi chiếm đoạt tiền của bị hại là bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Việc bị cáo trả hết tiền cho bị hại không phải là tình tiết để xác định bị cáo không phạm tội mà chỉ là tình tiết giảm nhẹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 năm tù về tội danh trên là thỏa đáng, không oan, không nặng, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo như sau: Việc hai bên có thỏa thuận là có thật dù không có chứng cứ nào chứng minh. Việc làm trung gian là vấn đề tế nhị nên không bao giờ bị cáo khai ra người giúp mình. Bị cáo đã nhiều lần đề nghị trả lại tiền cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo T theo sự thay đổi kháng cáo của bị cáo và xem xét thấu lý đạt tình xem bị cáo có phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hay không.

Bị cáo thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, trở thành công dân có ích cho xã hội và báo hiếu cho cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo T thừa nhận các tình tiết chính của vụ án: Để tạo lòng tin với anh Đỗ Văn N, bị cáo đã nói với anh N những thông tin không có thật như bị cáo quen với anh T4 làm Lái xe cho Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao nên có thể xin cho anh N được giảm thời gian chấp hành án. Từ việc tạo được lòng tin đó, bị cáo T đã nhận và chiếm đoạt của anh N 04 lần tổng cộng tổng cộng là 623.000.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của anh N và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ kết luận Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng pháp luật, không oan.

[2] Thời điểm ông Đ gửi đơn tố cáo (ngày 20 tháng 3 năm 2016), bị cáo T không liên hệ để trả số tiền nhận của anh N, không đến Công an huyện E làm việc dù được mời. Sau khi bị Công an huyện E áp giải về làm việc, bị cáo T bán xe ô tô để trả cho gia đình anh N 415.000.000 đồng. Ngày 06 tháng 6 năm 2016, ông Đ tiếp tục có đơn yêu cầu gửi đến Công an huyện E tố cáo bị cáo T. Ngày 28 tháng 6 năm 2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 01 tháng 7 năm 2016, bị cáo T nộp tiếp cho cơ quan điều tra 208.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Việc bị cáo T trả tiền cho gia đình anh N làm nhiều đợt, trong tình trạng đã bị tố cáo, bị áp giải và bị khởi tố không phải là tình tiết miễn trách nhiệm hình sự mà chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (hoàn trả đủ số tiền chiếm đoạt của bị hại) nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến uy tín của những người và cơ quan mà bị cáo lợi dụng danh nghĩa, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cơ quan bảo vệ pháp luật. Ngoài hành vi phạm tội đang bị xét xử, ngày 03 tháng 7 năm 2017, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đăk Nông xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo thành khẩn khai báo nhưng trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi của bị cáo là tội phạm, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thứ hai là "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm p khoản 1 Điều

46 và xem xét tình tiết bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình của bị cáo có công với cách mạng để áp dụng khoản 2 Điều 46, từ đó áp dụng Điều 47, xử phạt bị cáo mức hình phạt 09 năm tù (nhẹ hơn mức thấp nhất của khung hình phạt) là có phần chiếu cố cho bị cáo.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội vì bị cáo không có ý lừa đảo bị hại để chiếm đoạt tài sản, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và lời bào chữa của Luật sư xin giảm hình phạt cho bị cáo. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thanh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2017.

Bị cáo Huỳnh Thanh T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng (4) (Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau tống đạt cho bị cáo);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, TLQ, 17.

(Đã ký)

Đặng An Thanh